

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TỊNH BIÊN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HS-ST  
Ngày: 25 - 02 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thế Phương;
2. Ông Phạm Thanh Hải.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Châu Rết - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2020/TLST- HS ngày 17 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2020.

Trần Văn H, sinh năm 1985, nơi cư trú: ấp V, xã L, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T, sinh năm 1962 và bà Lê Thị C (chết); anh, em ruột: 02 người, bị cáo là người thứ nhất; vợ: Võ Thị Trúc M, sinh năm 1992 (đã ly hôn); con: Nguyễn Trọng P, sinh năm 2012.

- Tiền án:

+ Ngày 18/11/2008, bị Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 30/4/2009.

+ Ngày 20/10/2009, bị Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 30/8/2010.

+ Ngày 13/12/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 18/4/2014.

+ Ngày 19/5/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 09/9/2018.

- Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ và tạm giam từ ngày 08/10/2019 cho đến nay.

*Bị hại:*

1. Ông Phạm Văn N, sinh năm 1972, nơi cư trú: ấp N, xã A, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Bà Hồ Thị L, sinh năm 1965, nơi cư trú: tổ 01, ấp V, xã N, huyện B, tỉnh An Giang.

3. Bà Lê Thị V, sinh năm 1966, nơi cư trú: tổ 01, ấp C, xã D, huyện Q, tỉnh Kiên Giang.

4. Chị Trần Thị L, sinh năm 1995, nơi cư trú: tổ 01, ấp C, xã D, huyện Q, tỉnh Kiên Giang.

5. Anh Phạm Minh H, sinh năm 1990, nơi cư trú: tổ 01, ấp C, xã D, huyện Q, tỉnh Kiên Giang.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1992, nơi cư trú: ấp V, xã L, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Ông Lại Văn E, sinh năm 1963, nơi cư trú: tổ 19, khóm N, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang.

3. Bà Nguyễn Thị Ngọc S, sinh năm 1961, nơi cư trú: tổ 19, khóm N, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang.

4. Anh Lê Văn H, sinh năm 1986, nơi cư trú: khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang.

*Người làm chứng:*

1. Anh Trần Hoàng A, sinh năm 1983.

2. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1955.

3. Ông Trần Văn N, sinh năm 1968.

4. Ông Dương Văn L, sinh năm 1967.

5. Ông Trần Văn G, sinh năm 1967.

6. Ông Lâm Văn D, sinh năm 1972.

7. Bà Lê Cẩm D, sinh năm 1979.

Bị cáo; bị hại bà Hồ Thị L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Lại Văn E, bà Nguyễn Thị Ngọc S và người làm chứng: Ông Trần Văn G, ông Trần Văn N có mặt; những người tham gia tố tụng khác vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo là người nhiều lần bị kết án về tội “*Trộm cắp tài sản*” chưa được xóa án tích. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu xài, cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất: Khoảng 02 giờ ngày 15/8/2019, H điều khiển xe mô tô biển số 67B1 – 389.32 đi tìm tài sản lấy trộm, khi đến nhà anh Phạm Văn N, thuộc ấp N, xã A, huyện T quan sát thấy cửa sau nhà không đóng, H mang xe mô tô cất giấu trong căn chòi (bỏ hoang) cách nhà N khoảng 100 mét, rồi đi vào bên trong nhà nhìn thấy 01 điện thoại di động hiệu Bontel đang sạc pin để trên bàn, nên H đi lại lấy điện thoại và cục sạc để vào túi quần phía trước bên phải. H tiếp tục đi đến đầu giường nơi N nằm ngủ lấy 01 điện thoại di động hiệu Itel. Sau đó, H đi bộ tìm nhà khác để lấy trộm tài sản, thì bị người dân phát hiện truy hô, bắt giữ H cùng tang vật và trình báo Công an xã A tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng.

- Vụ thứ hai: Khoảng 02 giờ ngày 06/10/2019, H điều khiển xe mô tô biển số 65FA – 3326 đến nhà anh Trần V, thuộc tổ 01, ấp V, xã N, huyện B, quan sát thấy mọi người bên trong nhà đã ngủ nhưng không đóng cửa, nên H đi vào bên trong nhà bếp lấy 01 điện thoại di động hiệu Nokia và 01 điện thoại di động hiệu Xphone của chị Hồ Thị L để trên tủ chén. Khi đi ra H nhìn thấy phòng ngủ của vợ, chồng anh Phạm Minh H và chị Trần Thị L không khóa cửa, nên H đi vào lấy 01 điện thoại di động hiệu IPHONE XS MAX, số tiền 67.250.000 đồng và 163 USD, rồi điều khiển xe về nhà của Lại Văn E, Nguyễn Thị Ngọc S (cha, mẹ nuôi), thuộc tổ 19, khóm N, thị trấn B, huyện Tri T nghỉ qua đêm. Số tài sản lấy trộm được H bán và tiêu xài cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản số 1150/KL.HĐĐG-TTHS ngày 17/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tịnh Biên, xác định:

- Tại thời điểm phạm tội (ngày 06/10/2019) 01 USD được định giá là 23.000 đồng x 163 USD = 3.749.000 đồng.

- 01 (một) điện thoại di động, hiệu Iphone XS Max 10, giá trị còn lại khoảng 40%, được định giá là: 28.000.000đ/chiếc x 40% = 11.200.000 đồng.

- 01 (một) điện thoại di động, hiệu Nokia (loại phím), màu đen, được định giá là: 250.000 đồng/chiếc x 01 chiếc = 250.000 đồng.

- 01 (một) điện thoại di động, hiệu Xphone (loại phím), màu đen, được định giá là: 100.000 đồng/chiếc x 01 chiếc = 100.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản: 15.299.000 (*Mười lăm triệu hai trăm chín mươi chín nghìn*) đồng.

Kết luận định giá số 59/KL.HĐĐG-TTHS, ngày 13/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tri Tôn, xác định:

- 01 điện thoại di động màu đỏ đen hiệu Bontel, có giá trị 100.000 đồng.

- 01 điện thoại di động màu xám đen hiệu Itel, có giá trị là 100.000 đồng.

- 01 cục sạc điện thoại di động màu đen hiệu MAXcell có giá trị 30.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản: 230.000 (Hai trăm ba chục nghìn) đồng.

Cáo trạng số 11/CT-VKSTB-HS ngày 16/01/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên truy tố bị cáo Trần Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định theo điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi chung là Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa,

Bị cáo khai nhận, do muốn có tiền tiêu xài nên đã thực hiện hành vi lấy trộm tài sản của các bị hại như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình.

Bị hại bà Hồ Thị L xác định đã nhận lại tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nào khác. Trong phần tranh luận, bà L có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Lại Văn E và bà Nguyễn Thị Ngọc S có lời khai cho biết, có nhận tiền do bị cáo đưa, không biết tiền do bị cáo đã lấy trộm của người khác.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội:

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được kiểm chứng tại phiên tòa.

Ngoài ra, hành vi mà bị cáo đã thực hiện qua lời khai nhận còn phù hợp với vật chứng vụ án được thu giữ và giao trả lại cho các bị hại. Do đó, có đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” với các tình tiết định khung quy định tại b, c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần có mức án nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đề nghị có xem xét cho bị cáo khi lượng hình.

Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, c, g, khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 05 năm đến 07 năm tù.

Về hình phạt bổ sung, bị cáo không có nghề nghiệp, đề nghị không áp dụng đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự, các bị hại đã nhận lại và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nào khác. Đồng thời, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

đến vụ án ông Lê Văn H không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 2.000.000 đồng đã mua điện thoại do bị cáo đem đến bán nên không đề cập xem xét.

Về xử lý vật chứng, căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (gọi chung là Bộ luật Tố tụng Hình sự), đề nghị:

- Giao trả 01 điện thoại di động hiệu Bontel, 01 điện thoại di động hiệu ITEL, 01 cục sạc điện thoại di động hiệu MAXcell cho ông Phạm Văn N, đây là tài sản của ông N do bị cáo đã chiếm đoạt.

- Giao trả xe mô tô biển số 67B1-389.32 cho bà Nguyễn Thị Cẩm L do không liên quan đến tội phạm.

- Tiếp tục tạm giữ 01 xe mô tô biển số 65FA-3326 để truy tìm chủ sở hữu và xử lý sau.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 nón bảo hiểm màu đen có hiệu bằng chữ An Thịnh; 01 cây dao loại xép có hiệu USA trên lưỡi dao do không còn giá trị sử dụng và bị cáo không yêu cầu nhận lại.

Các vấn đề khác:

- Đối với Nguyễn Thị Ngọc S, Lại Văn E, Lê Văn H là người được H cho tiền và nhận mua điện thoại của H. S, E và Lê Văn H không biết tiền, điện thoại do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ, tuy nhiên cần công khai giáo dục tại phiên tòa.

- Bị cáo H khai nhận đến tiệm game bắn cá của Lê Cẩm D và Lâm Văn D chơi thua hết số tiền 29.000.000 đồng, nhưng Cẩm Dung và Lâm Văn D không thừa nhận và ngoài lời khai của H không có chứng cứ khác, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Tịnh Biên không truy cứu trách nhiệm hình sự về hành này là có căn cứ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

*Về tố tụng,*

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an nhân dân huyện Tịnh Biên; Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện nên không đề cập xem xét.

[3] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị hại: Phạm Văn N, Lê Thị V, Phạm Minh H, Trần Thị L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Nguyễn Thị Cẩm L, Lê Văn H và những người làm chứng: Trần Hoàng A, Nguyễn Văn B, Dương Văn L, Lê Cẩm D, Lâm Văn

D vắng mặt. Xét những người vắng mặt đã có lời khai trong quá trình điều tra và sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

*Về nội dung,*

[4] Hành vi phạm tội:

Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, các nguồn chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra và được thẩm tra tại phiên tòa.

Ngoài ra, lời khai nhận của bị cáo về các hành vi đã thực hiện còn phù hợp với vật chứng của vụ án đã được thu giữ và trả lại cho các chủ sở hữu.

Từ đó, có căn cứ xác định bị cáo đã có hành vi lợi dụng lúc đêm khuya, vắng người, lén lút chiếm đoạt tài sản của của các ông, bà: Phạm Văn N, Hồ Thị Lê Thị V, Phạm Minh H, Trần Thị L, với tổng giá trị tài sản được xác định là 82.779.000 đồng.

Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện với mục đích có tiền tiêu xài cá nhân; xâm phạm quan hệ về sở hữu tài sản được pháp luật hình sự bảo vệ.

Bị cáo có 04 tiền án về tội trộm cắp tài sản nên với 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác như nội dung vụ án nêu trên đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” với các tình tiết định khung: có tính chất chuyên nghiệp, chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng và tái phạm nguy hiểm.

Do đó, Cáo trạng số 11/CT-VKSTB-HS ngày 16/01/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên truy tố đối với bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Tài sản hợp pháp của công dân phải qua quá trình lao động và tích lũy lâu dài mới có được. Vì lẽ đó, quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần có hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Xem xét tình tiết giảm nhẹ, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo, do đó có xem xét áp dụng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo trong khi lượng hình.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có điều kiện về kinh tế, xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên.

[7] Về xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động hiệu Bontel, 01 điện thoại di động hiệu Itel và 01 cục sạc điện thoại di động hiệu MAXcell, đã qua sử dụng. Đây là tài sản của ông N mà bị cáo chiếm đoạt, xét giao trả lại cho ông N.

- 01 xe mô tô biển số 67B1-389.32, đã qua sử dụng, đây là xe bị cáo đã hỏi mượn của bà L, không liên quan đến tội phạm, xét giao trả lại cho bà L.

- 01 xe mô tô biển số 65FA-3326, đã qua sử dụng, bị cáo khai đây là xe bị cáo nhận cầm của một người không rõ họ tên, địa chỉ. Xét tiếp tục tạm giữ để thông báo truy tìm chủ sở hữu và xử lý sau.

- 01 nón bảo hiểm có hiệu bằng chữ An Thịnh, 01 cây dao loại xép có hiệu USA trên lưỡi dao, không còn giá trị sử dụng, bị cáo không có yêu cầu nhận lại, xét tịch thu tiêu hủy.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lê Văn Hoàng không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[9] Vấn đề khác:

- Đối với Nguyễn Thị Ngọc S, Lại Văn E, Lê Văn H là người được H cho tiền và mua điện thoại của H, không biết tiền, điện thoại do phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ. Tuy nhiên, cần công khai giáo dục tại phiên tòa nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

- Đối với lời khai của bị cáo cho biết, có đến tiệm game bắn cá của Lê Cẩm D và Lâm Văn D chơi thua số tiền 29.000.000 đồng. Ngoài lời khai của bị cáo, không có nguồn chứng cứ nào khác để chứng minh. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Tịnh Biên không khởi tố, truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi này là có căn cứ.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ điểm b, c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự;*

Tuyên bố bị cáo: Trần Văn H phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn H: 06 (sáu) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày: 08/10/2019 (ngày tám, tháng mười, năm hai nghìn không trăm mười chín).

*Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.*

- Giao trả cho ông Phạm Văn N: 01 điện thoại di động màu đỏ đen, hiệu Bontel, MODEL L700, IMEE11: 351996089194785, IME12: 351996089194793; 01 điện thoại di động màu xám đen, hiệu Itel, It 2123V, IME11: 353511101814282, IME12: 353511101814290; 01 cục sạc điện thoại hiệu MAXcell, đã qua sử dụng.

- Giao trả cho bà Nguyễn Thị Cẩm L 01 xe mô tô biển số 67B1-389.32, số khung: VLMDCH022HV073566, xe đã qua sử dụng.

- Tiếp tục tạm giữ 01 xe mô tô biển số 65FA-3326, số khung: C50-S010023, xe đã qua sử dụng, để thông báo truy tìm chủ sở hữu, chờ xử lý sau.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 nón bảo hiểm màu đen có hiệu bằng chữ An Thịnh; 01 cây dao loại xép có hiệu USA trên lưỡi dao, đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21 tháng 01 năm 2020 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Tịnh Biên với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên).

*Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Buộc bị cáo Trần Văn H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại bà Hồ Thị L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Lại Văn E, bà Nguyễn Thị Ngọc S có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của các bị hại: Phạm Văn N, Lê Thị V, Phạm Minh H, Trần Thị L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Nguyễn Thị Cẩm L, Lê Văn H vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Viện KSND huyện Tịnh Biên (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS huyện Tịnh Biên (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**

**Nguyễn Thanh Tâm**